

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày 22-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Ông Đỗ Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51A/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hải Đ**, sinh năm 1989 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã P, tỉnh Cà Mau); nơi ở hiện nay: Ấp E, xã S, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê Nhì H, sinh năm 1964 và mẹ: Nguyễn C, sinh năm 1972; vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2025 đến ngày 17/01/2025, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Huỳnh Hiếu N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Biện Minh T (Biện Thanh T), sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm H, xã S, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2019, Lê Hải Đ từ biển về tới đất liền thì nảy sinh ý định tìm người bán dâm để quan hệ tình dục. Thông qua Biện Minh T, bị cáo Đ và Huỳnh Hiếu N hẹn gặp tại nhà trọ T, thuộc khóm F, thị trấn S, huyện T thuê phòng số 2. Khi Huỳnh Hiếu N đến phòng trọ số 2, bị cáo Đ trả cho N số tiền 1.500.000 đồng chi phí mua bán dâm, N nhận rồi đi ra đưa cho T số tiền 500.000 đồng, sau đó N và Đ cùng vào phòng số 2 để quan hệ tình dục.

Sau đó, Huỳnh Hiếu N rủ Đ đến quán N1 để nhậu và hát karaoke cùng với Trần Ngọc C1 và người bạn tên H1. Lúc này bị cáo Đ nhờ N giới thiệu Nguyễn Tuấn P thuê Đ làm ngư phủ nhưng do chưa có chuyến đi biển nên Đ về phòng trọ số 2, nhà trọ T chờ. Lúc này, P gọi điện thoại nói với N đi chơi cùng Đ thêm thời gian nữa đi thì N đồng ý và về phòng trọ của N gặp Trần Ngọc C1 hỏi mượn xe mô tô mang biển kiểm soát 69K1-044... đến nhà T, N đậu xe ở phía trước cửa nhà nghỉ, rồi vào phòng số 2, N để điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen cùng với chìa khóa xe trên đầu nằm, rồi ngủ với Đ.

Sau đó, Lê Hải Đ thức dậy nhìn thấy N đang nằm ngủ say, phía trên đầu nằm có điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen cùng với chìa khóa xe nên Lê Hải Đ nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của N. Thực hiện ý định đó, Đ lấy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen cất giấu vào túi, lấy chìa khóa xe rồi ra đến quây lễ tân trả tiền thuê phòng, rồi Đ lấy chìa khóa xe mở khóa xe mô tô mang biển kiểm soát 69K1-044... rồi điều khiển xe đi đến tỉnh Bình Dương. Trên đường đi, Lê Hải Đ bị lực lượng Cảnh sát giao thông dừng xe lại để kiểm tra, Đ bỏ xe lại và bắt xe khách đi đến khu vực cầu S thuộc tỉnh Bình Dương chơi với bạn, sau đó Đ cầm cố điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen tại cửa hàng điện thoại với số tiền 800.000 đồng rồi Đ đi xe khách về đến thị trấn S, huyện T làm thuê bằng nghề ngư phủ cho đến ngày bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số: 25/BBKL ngày 23/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 giá trị còn lại 2.890.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA loại Nouvo, giá trị còn lại 35.516.000 đồng. Tổng số tiền bị thiệt hại: 38.406.000 (ba mươi tám triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Về vật chứng: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen, bị cáo Lê Hải Đ đã cầm cố tại tỉnh Bình Dương nhưng không nhớ cửa hàng nên không thu hồi được; xe mô tô mang biển kiểm soát 69K1-044... do bị cáo Lê Hải Đ điều khiển bị lực lượng Cảnh sát giao thông tạm giữ nhưng không xác định được ở nơi nào nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Hiếu N đã thỏa thuận bồi thường cho chị Trần Ngọc C1 xe mô tô khác. Chị N yêu cầu Lê Hải Đ bồi thường trách

nhiệm dân sự số tiền 10.000.000 đồng đối với 02 tài sản bị mất trộm trên. Vào ngày 13/3/2025, bị hại Huỳnh Hiếu N đã nhận đủ số tiền 10.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả nên chị Huỳnh Hiếu N không có yêu cầu gì khác đối với Đ.

Tại Cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 24/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau) truy tố bị cáo Lê Hải Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bảo vệ toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hải Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, đã ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và ban hành các quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hải Đ khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo tự nguyện khai báo; những người tiến hành tố tụng không ép cung, mớm cung, bức cung đối với bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Hải Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 03/4/2019, bị cáo Lê Hải Đ hẹn Huỳnh Hiếu N đến phòng số 2, nhà T thuộc khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là khóm F, xã S, tỉnh Cà Mau). Bị hại Huỳnh Hiếu N để điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen cùng với chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, màu vàng – đen, biển kiểm soát 69K1-044... phía trên đầu nằm, rồi ngủ với Đ. Sau đó, Lê Hải Đ thức dậy nhìn thấy N đang nằm ngủ say, phía trên đầu nằm có điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen cùng với chìa khóa xe. Bị cáo Lê Hải Đ lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, đã

này sinh ý định lấy trộm tài sản nên Đ thực hiện hành vi lén lút lấy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu đen cất giấu vào túi, lấy chìa khóa xe rồi ra đến quây lễ tân trả tiền thuê phòng, rồi Đ lấy chìa khóa xe mở khóa xe mô tô điều khiển xe đi đến tỉnh Bình Dương. Tại Kết luận định giá tài sản số: 25/BBKL ngày 23/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận: Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 38.406.000 đồng. Với giá trị tài sản mà bị cáo Lê Hải Đ đã chiếm đoạt là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Hải Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Hải Đ gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và phải chịu chế tài hình sự nghiêm khắc nhưng vì háms lợi, lười lao động và để có tiền phục vụ cho nhu cầu chi xài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại trái pháp luật và bất chấp chế tài hình sự nghiêm khắc để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trốn tránh thời gian dài cho đến khi bị bắt theo lệnh truy nã. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm xảy ra.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng để giảm một phần hình phạt: Bị cáo Lê Hải Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người thân của bị cáo đã khắc phục cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trốn tránh thời gian dài cho đến khi bị bắt theo lệnh truy nã, đã gây khó khăn trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm nên cần cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo ở mức độ nhất định. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Hiếu N đã thỏa thuận bồi thường cho chị Trần Ngọc C1 xe mô tô khác. Vào ngày 13/3/2025, Lê Hải Đ bồi thường cho bị hại Huỳnh Hiếu N số tiền 10.000.000 đồng tương ứng với giá trị 02 tài sản bị mất trộm. Bị hại N không có yêu cầu gì khác đối với Đ.

[7] Đối với hành vi của Biện Minh T có dấu hiệu cấu thành tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra không tiến hành các thủ tục điều tra làm rõ hành vi môi giới mại dâm của Biện Minh T có cấu thành tội “Môi giới mại dâm” hay không nên Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung. Tại văn bản số: 63/CV-VKS ngày 26/5/2025 của Viện kiểm sát

nhân dân khu vực 3 – Cà Mau cho rằng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Biện Minh T đã hết. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xử lý hành vi môi giới mại dâm của Biện Minh T.

[8] Xử lý vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Biện Minh T (Biện Thanh T1) đã nộp lại số tiền 500.000 đồng, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã nộp vào tài khoản tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Tuy hành vi môi giới mua bán dâm của T1 chưa bị xử lý theo quy định pháp luật nhưng đây rõ ràng là số tiền thu lợi bất chính từ hành vi môi giới mại dâm mà có và chính bản thân T1 cũng thừa nhận số tiền này N đưa từ hành vi bán dâm nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Hải Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hải Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hải Đ **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng Biện Minh T (Biện Thanh T1) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001156 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Hải Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo Lê Hải Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại Huỳnh Hiếu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Biện Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Cà Mau;
- Phân Trại tạm giam khu vực Trần Văn Thời;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Minh Út